



WESTLEC



Push In Wire Terminal Block



VPT 1.5/S

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 34/3.5/30.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 17.5 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 17.5 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-1,5 (mm²)



VPT 2.5

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 48,6/5,2/35,5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 24 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 30 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



VPT 4

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 56/6.2/35.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 32 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 36 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 6

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 58/8.2/42.2 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 41 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 52 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 6 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



VPT 10

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 67/10.2/50 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 57 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 70 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 18-20 (mm)
 - Tiết diện dây: 10 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-16 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-16 (mm²)



VPT 16N

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 76,3/12,2/53 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 76 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 85 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 18-20 (mm)
 - Tiết diện dây: 16 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-25 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-25 (mm²)



VPT 2.5-TWIN

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 61/5.2/35.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 24 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 28 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



VPT 4-TWIN

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 66,5/6,2/35,5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 32 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 36 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 6-TWIN

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 75/8.2/42.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 41 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 52 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 6 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



VPT 2.5-QUATTRO

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 72/5.2/35.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 24 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 28 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



VPT 4-QUATTRO

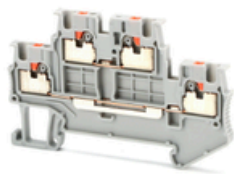
- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 77/6.2/35.3 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 32 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 36 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 6-QUATTRO

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 91,5/8,2/42,5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 41 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 52 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 6 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)

Push In Wire Terminal Block



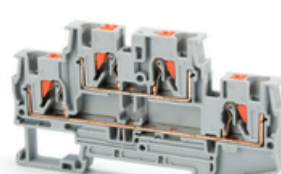
VPTTB 1.5/S

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 75/8.2/42.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 41 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 52 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 6 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



VPTTB 2.5

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 72/5.2/35.5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 24 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 28 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



VPTTB 4

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 77/6.2/35.3 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 800 (V)
 - Dòng điện định mức: 32 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 36 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 2.5-3L

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 91,5/8,2/42,5 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 1000 (V)
 - Dòng điện định mức: 41 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 52 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 6 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



VPTTB 1.5/S

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 65,7/3,5/41,4 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 16 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 16 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-1,5 (mm²)



VPTTB 2.5

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 68,8/5,2/46 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 22 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 26 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



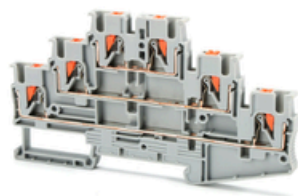
VPTTB 4

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 83,5/6,2/46 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 28 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 32 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 2.5-3L

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 102/5.2/56.4 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 20 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 24 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



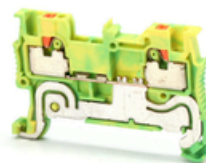
VPT 2.5-3PV

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 102/5.2/56.4 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500 (V)
 - Dòng điện định mức: 20 (A)
 - Dòng điện tải tối đa: 24 (A)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



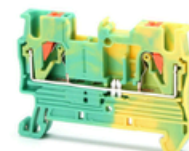
VPTC4-HESI

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 67,8/8,2/35,3 (mm)
- Thông số kỹ thuật:**
- Điện áp định mức: 500V;
 - Dòng điện định mức: 6.3A;
 - Dòng tải tối đa/tiết diện dây: 6.3A (dòng điện được xác định bởi cầu chì sử dụng)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
 - Tiết diện dây: 4 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0.2-4 (mm²)



VPT 1.5/S-PE

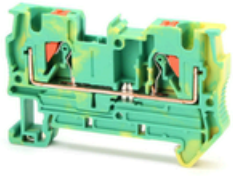
- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 45/3.5/30.5 (mm)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-1,5 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-1,5 (mm²)



VPT 2.5-PE

- Kích thước:**
- Cao x Rộng x Sâu: 48,5/5,2/35,5 (mm)
- Thông số kết nối:**
- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
 - Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
 - Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
 - Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)

Push In Wire Terminal Block



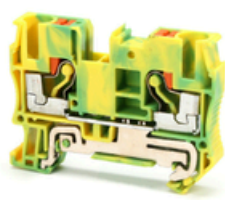
VPT 4-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 56/6.2/35.5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 4 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



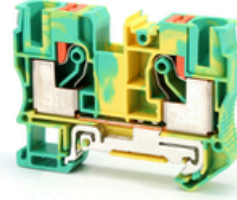
VPT 6-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 58/8.2/42.5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 6 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



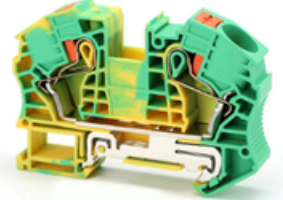
VPT 10-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 67,7/10,2/49,5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 18-20 (mm)
- Tiết diện dây: 10 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.5-16 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.5-16 (mm²)



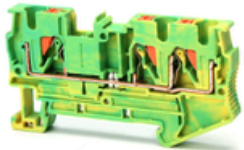
VPT 16N-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 76,3/12,2/53 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 18-20 (mm)
- Tiết diện dây: 16 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.5-25 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.5-25 (mm²)



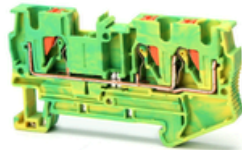
VPT 2.5-TWIN-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 61/5.2/35.5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
- Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



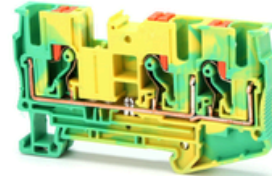
VPT 4-TWIN-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 66,5/6,2/35,5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 4 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



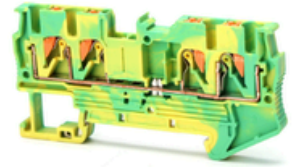
VPT 6-TWIN-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 75/8.2/42.5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 6 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)



VPT 2.5-QUATTRO-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 72/5.2/35.5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 8-10 (mm)
- Tiết diện dây: 2,5 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0,14-4 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0,14-4 (mm²)



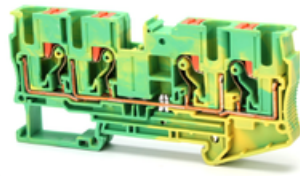
VPT 4-QUATTRO-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 77/6.2/35.3 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 4 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.2-6 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.2-6 (mm²)



VPT 6-QUATTRO-PE

Kích thước:

- Cao x Rộng x Sâu: 91,5/8,2/42,5 (mm)

Thông số kết nối:

- Chiều dài dây tước vỏ: 10-12 (mm)
- Tiết diện dây: 6 (mm²)
- Phạm vi dây cứng: 0.5-10 (mm²)
- Phạm vi dây mềm: 0.5-10 (mm²)